

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12-4-2021

V/v: "Tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Hoàng Ân**;

2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Cẩm Nhung- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thúy Kiều- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ch, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kim B**, sinh năm 1978

Địa chỉ: ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Chị Kim B có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh **Đình Quang Kh**, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp Minh Phong, xã Bình An, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

(Anh Kh vắng mặt 02 lần không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 30-12-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Kim B trình bày: Vào năm 1995, chị và anh Đình Quang*

Kh cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Ch, tỉnh K.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cãi, không hợp nhau về tính tình và cách sống. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh Kh nữa nên quyết định ly hôn với anh Đinh Quang Kh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh Kh có 02 người con chung tên Đinh Quang Đ, sinh ngày 27-4-1997 và Đinh Trần Mai Ph, sinh ngày 07-3-2010, hiện nay cháu Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Ph đang sống cùng chị.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có tạo lập được một số tài sản chung nhưng vợ chồng tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Kim B yêu cầu:

- *Về hôn nhân:* Xin ly hôn với anh Đinh Quang Kh

- *Về con chung:* Yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Đinh Trần Mai Ph, sinh ngày 07-3-2010 và không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Đinh Quang Đ, sinh ngày 27-4-1997 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- *Về nợ chung:* Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Đinh Quang Kh đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Kh đều không có mặt.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa Ph như sau:

Tại biên bản xác minh Ban lãnh đạo ấp M, xã B, huyện Ch, tỉnh K (bút lục số : 30) xác nhận: Anh Kh có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp M, xã B, huyện Ch, tỉnh K nhưng đến năm 2017 anh Kh và chị Kim B có xảy ra mâu thuẫn nên anh Kh đã đi nơi khác sinh sống cho đến nay và đơn xin xác nhận Ban lãnh đạo ấp

H, xã M, huyện Ch, tỉnh K (bút lục số : 17) xác nhận: Anh Kh có đang sinh sống tại ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K là sự thật.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng (bút lục số 19) : xác nhận: “ ... Cách đây khoảng 03 năm bà có nghe anh Kh kể xảy ra mâu thuẫn với vợ nên có về nhà bà sinh sống khoảng một năm thì đi làm ăn xa đến năm 2019 thì quay về nhà bà tại ấp H, xã M, huyện Ch, tỉnh K sinh sống cho đến nay...”

Tại phiên tòa chị Kim B vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Kh. Anh Kh vắng mặt không lý do.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ch, tỉnh K phát biểu ý kiến:* Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là chị Trần Thị Kim B: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn anh Đinh Quang Kh: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, anh Kh tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Kim B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 10-10-2020 chị Trần Thị Kim B có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Đinh Quang Kh. Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Tòa án nhân dân huyện Châu Thành đã triệu tập hợp lệ anh Kh đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh Kh vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh Kh là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị Kim B và anh Đinh Quang Kh kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2011 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Kim B nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng

không phù hợp. Thực tế chị Kim B và anh Kh đã sống trong tình trạng ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh Kh không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh Kh đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh Kh vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng giữa chị Kim B và anh Kh đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Kim B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Kh để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Kim B, xử cho chị Kim B được ly hôn anh Kh là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Trần Thị Kim B xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung tên Đinh Quang Đ, sinh ngày 27-4-1997 và Đinh Trần Mai Ph, sinh ngày 07-3-2010, hiện nay cháu Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu Ph đang sống với chị Kim B. HĐXX nhận định từ khi chị Kim B và anh Kh sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay các con đều do chị Kim B chăm sóc nuôi dưỡng, do đó căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế của đương sự, cần tiếp tục giao cháu Ph cho chị Kim B trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi sống mình là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp theo nguyện vọng của con, nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, HĐXX đã giải thích cho chị Kim B về quyền yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi cháu Ph cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định của pháp luật nhưng chị Kim B xác định không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con và việc chị Kim B không yêu cầu anh Kh phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Kh đúng theo quy định pháp luật nhưng anh Kh vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị Kim B và anh Kh. Mặt khác, tại Tòa án cũng như tại phiên tòa chị Kim B xác nhận trong thời gian chung sống cùng anh Kh, anh chị tạo lập được tài sản chung nhưng đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên về phần tài sản Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[6] Về nợ chung: Chị Trần Kim Kim B cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[7] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Kim B phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Kim B và anh Đinh Quang Kh.

2. Về con chung: Giao con chung tên Đinh Trần Mai Ph, sinh ngày 07-3-2010 chị Trần Thị Kim B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng (Phù hợp theo nguyên vọng của con). Chị Kim B không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con.

Đối với con chung tên Đinh Quang Đ, sinh ngày 27-4-1997 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh Đinh Quang Kh có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Trần Thị Kim B xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị Kim B xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Kim B phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (B trăm ngàn đồng) nhưng chị Trần Thị Kim B được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0006675 ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ch, tỉnh K; chị Kim B không phải nộp thêm.

“ Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014”.

6. Chị Trần Thị Kim B có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đinh Quang Kh có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đ- ong sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành
- L- u hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng